

TRẢ LỜI CÂU HỎI LESSON 2 TRANG 8, 9 CỦA UNIT 1 SGK TIẾNG ANH 5

Bài 1. Look, listen and repeat. (Nhìn, nghe và lặp lại.)

Bài nghe:

a.

- What's your hometown, Trung?

- It's Da Nang.

b.

- Oh, I like Da Nang. Do you live in the city?

- No, I didn't. I lived in a village in the mountains.

c.

- What's your village like?

- It's small and quiet.

d.

- Is it beautiful?

- Yes, I think so.

Hướng dẫn dịch:

a.

- Quê của bạn ở đâu, Trung?

- Nó ở Đà Nẵng.

b.

- Oh, mình thích Đà Nẵng. Bạn sống ở trong thành phố à?

- Không. Mình sống trong một ngôi làng trong vùng núi.

c.

- Ngôi làng của bạn như thế nào?

- Nó nhỏ và yên tĩnh.

d.

TRẢ LỜI CÂU HỎI LESSON 2 TRANG 8, 9 CỦA UNIT 1 SGK TIẾNG ANH 5

- Nó có đẹp không?

- Có, mình nghĩ vậy.

Bài 2. Point and say. (Chỉ và nói.)

Bài nghe:

a. What's the city like?

⇒ It's big and busy.

b. What's the village like?

⇒ It's far and quiet.

c. What's the town like?

⇒ It's large and crowded

d. What's the island like?

⇒ It's small and pretty.

Hướng dẫn dịch:

a.

- Thành phố như thế nào?

- Nó lớn và nhộn nhịp.

b.

- Ngôi làng như thế nào?

- Nó xa xôi và yên tĩnh.

c.

- Thị trấn như thế nào?

- Nó rộng và đông đúc.

d.

- Hòn đảo như thế nào?

- Nó nhỏ và xinh xắn.

TRẢ LỜI CÂU HỎI LESSON 2 TRANG 8, 9 CỦA UNIT 1 SGK TIẾNG ANH 5

Bài 3. Let's talk. Ask and answer questions about (Cùng nói. Hỏi và trả lời các câu hỏi về.)

- Where do you live?

⇒ I live in the city. (Bạn sống ở đâu? Mình sống trong thành phố.)

- What's it like?

⇒ It's busy and crowded. (Thành phố như thế nào? Nó nhộn nhịp và đông đúc.)

- Who do you live with?

⇒ I live with my parents. (Bạn sống với ai? Mình sống với cha mẹ.)

Hướng dẫn dịch:

- Bạn sống ở đâu?

⇒ Mình sống trong thành phố.

- Thành phố như thế nào?

⇒ Nó nhộn nhịp và đông đúc.

- Bạn sống với ai?

⇒ Mình sống với cha mẹ.

Bài 4. Listen and circle A or B. (Nghe và khoanh tròn phương án a hoặc b.)

Bài nghe:

1. A

2. B

3. B

4. A

Tape script:

1. Trung: Where do you live?

Tom: I live in a village.

Trung: What's it like?

Tom: It's pretty and quiet.

TRẢ LỜI CÂU HỎI LESSON 2 TRANG 8, 9 CỦA UNIT 1 SGK TIẾNG ANH 5

2. Trung: Where do you live?

Tony: I live in a city.

Trung: What's it like?

Tony: It's large and busy.

3. Trung: Where do you live, Peter?

Peter: I live in a town.

Trung: What's it like?

Peter: It's small and busy.

4. Trung: Where do you live?

Linda: I live in a city.

Trung: What's it like?

Linda: It's big and busy.

Hướng dẫn dịch:

1. Trung: Bạn sống ở đâu?

Tom: Mình sống trong một ngôi làng.

Trung: Nó như thế nào?

Tom: Nó xinh đẹp và yên tĩnh.

2. Trung: Bạn sống ở đâu?

Tony: Mình sống trong một thành phố

Trung: Nó như thế nào?

Tony: Nó rộng và nhộn nhịp.

3. Trung: Bạn sống ở đâu, Peter?

Peter: Mình sống trong một thị trấn.

Trung: Nó như thế nào?

Peter: Nó nhỏ và nhộn nhịp.

TRẢ LỜI CÂU HỎI LESSON 2 TRANG 8, 9 CỦA UNIT 1 SGK TIẾNG ANH 5

4.Trung: Bạn sống ở đâu?

Linda: Mình sống trong một thành phố.

Trung: Nó như thế nào?

Linda: Nó rộng và nhộn nhịp.

Bài 5. Write about you. (Viết về bản thân bạn.)

1. What's your address? ⇒ It's 20 Hang Dao Street.

2. What's your hometown like? ⇒ It's beautiful.

3. Who do you live with? ⇒ I live with my parents.

4. Do you like living there? Why? Why not? ⇒ Yes, I do. Because people are friendly and helpful.

Hướng dẫn dịch:

1. Địa chỉ của bạn là gì? ⇒ Là số 20 Phố Hàng Đào

2. Thị trấn của bạn như thế nào? ⇒ Nó đẹp.

3. Bạn sống với ai? ⇒ Mình sống với cha mẹ mình.

4.- Bạn có thích sống ở đó không? Tại sao có / Tại sao không?

- Có. Bởi vì mọi người thân thiện và hay giúp đỡ người khác.

Bài 6. Let's play. (Cùng chơi)

Picture a	Picture b
5 cars	6 cars
None	A woman in front of the yellow building
2 people in the right side	3 people in the right side
STOP sign	BUS STOP sign
There is a logo of pills in top of the pharmacy	None